|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN PHÚ GIÁO  **TRƯỜNG MN AN THÁI**  Số: 229/BC-MNAT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *An Thái, ngày 03 tháng 10 năm 2024* |

**PHỤ LỤC I**

*(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO  
**TRƯỜNG MẦM NON AN THÁI**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
Năm: 2024**

**I. THÔNG TIN CHUNG2**

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Mầm non An Thái

2. Địa chỉ: Tổ Phú Thịnh I, xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

3. Loại hình của cở sở giáo dục: Trường Mầm non công lập, cơ quan quản lý trực tiếp thuộc UBND huyện Phú Giáo, cơ quan quản lý chuyên môn Phòng GDĐT Phú Giáo.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu cơ sở giáo dục.

Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của đơn vị là phát triển xây dựng trường Mầm non An Thái phù hợp với các nhiệm vụ của nhà trường, định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Tạo dựng nhà trường thành ngôi trường học tập nề nếp, kỉ cương, có chất lượng giáo dục cao, để mỗi học sinh đều có cơ hội, điều kiện phát triển năng lực và tư duy sáng tạo.

5. Tóm tắc quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường Mầm Non An Thái tọa lạc tại ấp Phú Thịnh I xã An Thái, nằm ở trung tâm xã An Thái. Trường Mầm Non An Thái được thành lập năm 2005 theo quyết định số: 78/2005/ QĐ-UB ngày 07 tháng 8 năm 2005 của Ủy ban nhân dân Huyện Phú Giáo trên cơ sở tách ra từ trường mầm non An Linh. Trường được trang bị đồng bộ cơ sở vật chất trang thiết bị đảm bảo tốt cho nhu cầu giảng dạy và học tập của trẻ.

Với sự nỗ lực phấn đấu đoàn kết của tập thể cán bộ – giáo viên – nhân viên, trường đã được Công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ I và kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 giai đoạn 2022-2027.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Lưu Thị Ngoan - Hiệu trưởng – Trường Mầm non An Thái

Số điện thoại: 0979353434

Địa chỉ mail: luungoan2002@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường

Trường được thành lập theo Quyết định số 78/2005/QĐ-UB ngày 07/8/2005 của UBND huyện Phú Giáo trên cơ sở được tách ra từ trường Mầm non An Linh.

b) Quyết định thành lập hội đồng trường

Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 28/3/2022 của UBND huyện Phú Giáo về việc thành lập Hội đồng Trường Mầm non An Thái Nhiệm kỳ 2022-2026;

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN**

**HỘI ĐỒNG TRƯỜNG – TRƯỜNG MẦM NON AN THÁI**

*(Theo Quyết định số 119, ngày 28/3/2022* *của Chủ tịch UBND huyện)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức vụ, chức danh** | **Trình độ chuyên môn** | **Ghi chú** |
| 1 | Lưu Thị Ngoan | Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng | Đại học |  |
| 2 | Đặng Thị Thúy Tiếp | CT CĐCS, Phó Hiệu trưởng | Đại học |  |
| 3 | Đỗ Thị Thùy Giang | Giáo viên – Bí thư chi đoàn | Đại học |  |
| 4 | Lê Thị Thanh Vân | Tổ trưởng chuyên môn Tổ Lá | Đại học |  |
| 5 | Bùi Phạm Thành | Tổ trưởng chuyên môn Tổ Chồi | Đại học |  |
| 6 | Nguyễn Thị Huệ | Tổ trưởng chuyên môn Tổ Mầm | Đại học |  |
| 7 | Nguyễn Thị Tiến Quân | Tổ trưởng chuyên môn Tổ Nhà trẻ | Đại học |  |
| 8 | Nguyễn Tiến Nghĩa | Phó chủ tịch UBND xã An Thái | Đại học |  |
| 9 | Đỗ Thị Oanh | Trưởng Ban đại diện cha mẹ học sinh | Đại học |  |

*(Danh sách gồm có 9 người).*

c) Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng số 967/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện Phú Giáo Quyết định bổ nhiệm viên chức quản lý Lưu Thị Ngoan từ ngày 01/1/2019.

Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng số 261/QĐ-UBND ngày 30/8/2006 của Chủ tịch UBND huyện Phú Giáo Quyết định bổ nhiệm cán bộ, viên chức Đặng Thị Thúy Tiếp từ ngày 01/9/2006.

e) Họ và tên: Lưu Thị Ngoan - hiệu trưởng

số điện thoại: 0979353434

Địa chỉ mail:mn-anthai@pg.sgdbinhduong.edu.vn

Địa chỉ nơi làm việc: Ấp Phú Thịnh I, An Thái, Phú giáo, Bình Dương.

**II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN3**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Họ và tên** | **Nữ** | **Ngày, tháng, năm sinh** | | **Chuyên môn nghiệp vụ** | **Chính trị** | **Ngoại ngữ** | **Tin học** | **Quản lý Giáo dục** | **Nhiệm vụ được phân công (Môn, số tiết/ lớp dạy, tổng số tiết được phân công hoặc công tác phụ trách** |
|
| *1* | *2* | *3* | *4* | | *17* | *18* | *19* | *20* | *22* | *24* |
| 1 | Lưu Thị Ngoan | x | 08/06/1979 | | ĐHSP GDMN | TC-HC | B1 | B | BDQLGD | Hiệu trưởng |
| 2 | Đặng Thị Thúy Tiếp | x | 05/10/1972 | | ĐHSP GDMN | TC-HC | B | B | BDQLGD | Phó Hiệu trưởng |
| 3 | Lê Thị Thanh Vân | x | 14/12/1983 | | ĐHSP GDMN | TC-HC | B | B | BDQLGD | Tổ trưởng- dạy lớp lá 1 |
| 4 | Đỗ Thị Thùy Giang | x | 29/5/1990 | | ĐHSP GDMN |  | B | B |  | Dạy lớp  lá 1 |
| 5 | Vũ Thị Thúy | x | 10/3/1986 | | ĐHSP GDMN |  | B | B |  | Dạy lớp  lá 2 |
| 6 | Nguyễn Thị Ánh Mai | x | 26/3/1986 | | ĐHSP GDMN |  | B | B |  | Dạy lớp  lá 2 |
| 7 | Bùi Thị Thiên Nga | x | 26/5/1985 | | ĐHSP GDMN |  | B | B |  | Dạy lớp  chồi 1 |
| 8 | Nguyễn Thị Thoa | x | 13/3/1977 | | ĐHSP GDMN |  | B | B |  | Dạy lớp  chồi 1 |
| 9 | Bùi Thị Chang | x | 11/12/1990 | | ĐHSP GDMN |  | B | A |  | Dạy lớp  chồi 1 |
| 10 | Bùi Phạm Thành | x | 01/1/1986 | | ĐHSP GDMN |  | B | B |  | Tổ trưởng-Dạy lớp  chồi 2 |
| 11 | Lê Thị Mỹ Hạnh | x | 01/10/1986 | | ĐHSP GDMN |  | B | B |  | Dạy lớp  chồi 2 |
| 12 | Nguyễn Thị Thoa | x | 19/3/1986 | | ĐHSP GDMN |  | B | B |  | Dạy lớp mầm 1 |
| 13 | Phạm Thị Hoa | x | 01/01/1985 | | ĐHSP GDMN |  | B | B |  | Dạy lớp mầm 1 |
| 14 | Nguyễn Thị Huệ | x | 08/12/1983 | | ĐHSP GDMN | TC-HC | B | B | BDQLGD | Tổ trưởng- Dạy lớp mầm 2 |
| 15 | Nguyễn Thị Thu Hiền | x | 02/5/1988 | | ĐHSP GDMN |  | B | B |  | Dạy lớp mầm 2 |
| 16 | Trần Thị Thanh Hương | x | 21/02/1990 | | ĐHSP GDMN |  | B | B |  | Dạy lớp mầm 2 |
| 17 | Trần Giang Guyền | x | 07/1/1986 | | ĐHSP GDMN | TC-HC | B | B | BDQLGD | Dạy lớp  NT 1A |
| 18 | Nguyễn Thị Tiến Quân | x | 26/02/1986 | | ĐHSP GDMN |  | B | B |  | Tổ trưởng-Dạy lớp  NT 1A |
| 19 | Phạm Thị Duyền | x | 04/01/1984 | | ĐHSP GDMN |  | B | B |  | Dạy lớp  NT 1B |
| 20 | Lương Thị Hồng | x | 09/02/1980 | | CĐSP GDMN |  | B | B |  | Dạy lớp  NT 1B |
| 21 | Đinh Thị Thúy | x | 23/12/1979 | | TC YT |  | A | A |  | Tổ trưởng-  Y tế |
| 22 | Huỳnh Thị Hồng Nhung | x | 02/9/1991 | | ĐHKT |  | B1 | B |  | Kế toán |
| 23 | Phạm Thị Bé Tím | x | 01/01/1972 | |  |  |  |  |  | Phục vụ |
| 24 | Nguyễn Thị Giang | x | 07/3/1977 | |  |  |  |  |  | Tổ trưởng- Cấp dưỡng |
| 25 | Trần Thị Hằng | x | 10/5/1982 | |  |  |  |  |  | Cấp dưỡng |
| 26 | Lê Thị Tuyết Nhung | x | 16/9/1991 | |  |  |  |  |  | Cấp dưỡng |
| 27 | Trần Thị Tuyết | x | 08/4/1975 | |  |  |  |  |  | Cấp dưỡng |
| 28 | Đặng Thị Huệ | x | 10/5/1984 | |  |  |  |  |  | Cấp dưỡng |
| 29 | Đỗ Hoàng |  | 11/12/1987 | |  |  |  | A |  | Bảo vệ |
| 30 | Nguyễn Ngọc Quí |  | 15/3/1977 | |  |  |  |  |  | Bảo vệ |
| **Thống kê** | | **28** | |  |  | **5** | **B1: 2 B: 20 A: 1** | **B: 20 A: 2** | **5** |  |

**III. CƠ SỞ VẬT CHẤT4**

Trường Mầm non An Thái với tổng diện tích 4,856,7 m2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 78/2005 ngày 01/8/2005. Năm học 2024-2025 có 222 trẻ, diện tích sử dụng đất bình quân tối thiểu là 21,87m2/ trẻ, vượt 9,87m2 so với quy định diện tích/trẻ (theo Điều 5- Thông tư 13/2020/TT-BDGĐT ngày 26/5/2020).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Số lượng** |
| **I** | **Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo** | **8** |
| 1 | Phòng sinh hoạt chung | 8 |
| **II** | **Khối phòng phục vụ học tập** | **02** |
| 1 | Phòng giáo dục nghệ thuật | 01 |
| 2 | Phòng đa chức năng | 00 |
| 3 | Phòng tin học | 01 |
| **III** | **Khối phòng tổ chức ăn** | **02** |
| 1 | Nhà bếp | 1 |
| 2 | Nhà kho | 1 |
| **IV** | **Khối phòng hành chính quản trị** | **05** |
| 1 | Phòng Hiệu trưởng | 1 |
| 2 | Phòng Hiệu trưởng | 1 |
| 3 | Văn Phòng | 1 |
| 4 | Phòng hội trường | 0 |
| 5 | Phòng hành chính quản trị | 0 |
| 6 | Phòng y tế | 1 |
| 7 | Phòng bảo vệ | 1 |
| 8 | Phòng dành cho nhân viên | 0 |
| **V** | **Tổng mục I, II, III, IV** | **17** |

Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, theo Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 03 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư ban hành danh mục đồ dùng đồ chơi thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non.

Đơn vị có 15 các món đồ dùng, đồ chơi thiết bị ngoài trới theo danh mục quy định, bên cạnh đó giáo viên còn đẩy mạnh việc làm đồ chơi tự tạo, được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

**IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC5**

Năm học 2021-2022 trường được tái công nhận trường chuẩn Quốc gia mức độ 1 theo quyết định số 1969/QĐ-UBND tỉnh Bình Dương ngày 17/8/2022 và Quyết định số 1075/QĐ-SGDĐT ngày 15/8/2022 của Sở giáo Dục đào tạo tỉnh Bình Dương công nhận trường Mầm non đạt chất lượng giáo dục cấp độ 2.

**V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC.6**

***1. Mạng lưới trường lớp***

Năm học 2024-2025 trường có 8 nhóm, lớp/222 trẻ trong đó: Nhà trẻ: 02 nhóm/26 trẻ, mẫu giáo 8 lớp/196 ***(giảm 23 trẻ so với cùng kỳ năm học trước).***

Các nhóm/ lớp được phân chia sắp xếp theo đúng độ tuổi, bố trí đủ số trẻ theo Điều lệ trường mầm non.

***2. Tỷ lệ huy động:***

- Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp: Nhà trẻ 26/10 nữ/109 trẻ. Đạt tỷ lệ 28.6% ***(thấp hơn chỉ tiêu giao 8.4%).***

- Tỷ lệ huy động độ tuổi mẫu giáo: 189/201 đạt tỷ lệ 94% ***(Thấp hơn 1 % so với chỉ tiêu)***. Trong đó số trẻ 5 tuổi ra lớp 68/68 đạt tỷ lệ 100% ***(Đạt so với chỉ tiêu).***

- Có 01 trẻ 5 tuổi khuyết tật học hòa nhập.

**3. Kết quả nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ**

***3.1. Công tác chăm sóc, nuôi dưỡng:***

- Trẻ phát triển bình thường: 182/222 đạt tỷ lệ: 81.98% ***(thấp hơn 3.02% so với chỉ tiêu).***

- Trẻ SDD so với đầu năm giảm 0 trẻ (tỷ lệ giảm 0.15% do sĩ số cuối năm tăng).

- Trẻ béo phì so với đầu năm giảm 02 trẻ (tỷ lệ giảm 0.98%).

- 100% trẻ được theo dõi sức khỏe qua biểu đồ tăng trưởng và khám sức khỏe chuyên sâu (1 lần/ năm).

- Đơn vị sử dụng phần mềm hỗ trợ xây dựng thực đơn, điều tra khẩu phần dinh dưỡng hằng ngày cho trẻ kết quả. Nhà trẻ đạt: 600-801 Kcalo, trẻ MG: 615-865Kcalo.

***2.2. Công tác giáo dục:***

- 100% giáo viên các nhóm, lớp đã thực hiện tốt việc ứng dụng phương pháp GD Steam vào chương trình GD trẻ, theo nguyên tắc lấy trẻ làm trung tâm, trẻ được thực hành, trải nghiệm trong tất cả các nội dung giáo dục tại trường.

- Kết quả đánh giá sự phát triển của trẻ cuối độ tuổi và cuối giai đoạn theo các chỉ số cuối năm học như sau:

+ Tổng số trẻ được theo dõi đánh giá sự phát triển 220/222 đạt tỉ lệ 99.09% (02 trẻ khuyết tật đánh giá bộ tiêu chí riêng).

+ Tỷ lệ chuyên cần đến lớp thường xuyên nhà trẻ đạt 88.48% **(vượt 3.48% so với chỉ tiêu);** mẫu giáo 93.98% **(vượt 0.98 so với chỉ tiêu %),** trong đó 5 tuổi đạt 96.62% **(vượt 1.62%).**

**VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH7**

Nhà trường có hệ thống hồ sơ theo đúng quy định tại Điều 21 của Điều lệ trường mầm non, hồ sơ quản lý tài chính, tài sản được nhà trường lưu trữ theo quy định của pháp luật về kế toán, các văn bản có liên quan và quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/20217.

Công tác quản lý tài chính, tài sản theo các văn bản quy định, thu - chi tài chính đúng mục đích, tài sản được thực hiện theo Nghị định 151/2017 quy định về việc sử dụng tài sản công, sử dụng hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc giáo dục. Việc quản lý, thu chi các nguồn tài chính của nhà trường thực hiện theo qui định hiện hành của Bộ tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cuối năm học nhà trường có đánh giá lại việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của đơn vị.

Công tác công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thực hiện theo Thông tư số 09/2024/BGDĐT; công khai tài chính theo Thông tư số 61/2017 của Bộ tài chính và Thông tư số 90/2018 của Bộ tài chính. Hàng năm, nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản kịp thời đúng quy định; định kỳ tự kiểm tra công tác tài chính, tài sản theo qui định, qui chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp. Vì vậy, trong nhiều năm liên tiếp trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

**VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC8**

**1. Công tác triển khai giáo dục STEM, chuyển đổi số**

1.1. Đối với giáo dục STEM

Làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của CBQL,GV, cha mẹ HS, HS về vai trò của giáo dục STEM nhằm tạo sự đồng thuận; huy động nguồn lực của cộng đồng triển khai thực hiện hiệu quả giáo dục STEM trong Chương trình GDMN.

100% CB, GV được tập huấn giáo dục STEM, làm tốt công tác chỉ đạo, GV đã chủ động tích hợp nội dung giáo dục STEM vào kế hoạch giáo dục đảm bảo chất lượng và hiệu quả; Bước đầu đưa nội dung giáo dục vào các môn học cụ thể theo chủ đề từng khối/lớp đã tạo được sự yêu thích, say mê, kích thích sự tìm tòi, học hỏi và sáng tạo của trẻ. Kết quả: 100% lớp bước đầu thực hiện giáo dục Stem.

1.2. Đối với việc triển khai chuyển đổi số, Đơn vị đã triển khai chuyển đổi số trong duyệt kế hoạch bài dạy. Xây dựng thực đơn bán trú.

**2. Củng cố và tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng chăm sóc giáo dục**

a) Về đội ngũ GV và CBQL giáo dục

- Tổng số cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên (GV), nhân viên là 30/28 nữ. Trong đó, CBQL: 02/2, giáo viên 18/18, Nhân viên: 10/8.

b) Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, học liệu

Đơn vị đã chủ động rà soát các điều kiện về CSVC, thiết bị dạy học sẵn có kết hợp với thiết bị dạy học mới để tổ chức dạy học hiệu quả. Tăng cường sửa chữa, trang bị cơ sở vật chất (phòng lớp, bàn ghế, trang thiết bị dạy học, ...), huy động nguồn lực hỗ trợ CSVC cho nhà trường đúng quy định để đảm bảo việc tổ chức CSGD hiệu quả đáp ứng yêu cầu chương trình GDMN.

c) Về duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và xây dựng trường Mầm non đạt chuẩn quốc gia

Nhà trường chủ động phối hợp với Ban Chỉ đạo PCGD-XMC xã huy động 100% trẻ 5 tuổi đến trường ngay từ đầu năm học. Tiếp tục tham mưu với các đơn vị có liên quan về giải pháp thực hiện hiệu quả công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ theo các quy định của Chính phủ (Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ). và Bộ GD&ĐT (Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GDĐT ban hành quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ); tăng cường công tác tập huấn, điều tra, phúc tra, nhập số liệu vào hệ thống, hoàn thiện, lưu trữ hồ sơ và thực hiện đúng quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non.

Tiếp tục thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định, lưu trữ hồ sơ, minh chứng năm học làm cơ sở tái công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

d) Hoạt động khác

Tổ chức tốt các ngày lễ hội, hội thi tại đơn vị.

Tham gia tốt các hội thi do PGD, Nhà thiếu nhi tổ chức.

**3. Công tác truyền thông**

Trong năm học 2023-2024, nhà trường đẩy mạnh công tác truyền thông, quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và của ngành GDĐT về đổi mới và phát triển giáo dục. Tuyên truyền một số văn bản quy phạm pháp luật của ngành giáo dục và đào tạo. Tuyên truyền những kết quả đạt được để xã hội hiểu và chia sẻ, đồng thuận với các chủ trương đổi mới về giáo dục mầm non.

Tuyên truyền thông tin đến phụ huynh học sinh điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ đảm bảo tổ chức hoạt động CSGD.

Công tác tuyên truyền, thông tin được nhà trường thực hiện bằng nhiều hình thức như phối hợp với truyền thanh xã An Thái để thông tin đến toàn thể phụ huynh học sinh. Thực hiện tuyên truyền qua các buổi họp phụ huynh học sinh, họp hội đồng sư phạm, qua zalo nhóm lớp, qua băng rôn, áp phích,…. Đặc biệt, xây dựng trang Web của đơn vị với đa dạng nội dung, thông tin đầy đủ, kịp thời, là nơi kết nối các hoạt động giáo dục của nhà trường với CMHS.

Nhờ thực hiện khá tốt công tác truyền thông nên giáo viên nhà trường nắm tương đối tốt các chính sách, chủ trương của ngành, phụ huynh học sinh nắm rõ hoạt động của nhà trường từ đó phối hợp chăm sóc và giáo dục trẻ tốt.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Phòng GDĐT;  - Lưu: VT. | **HIỆU TRƯỞNG**  **Lưu Thị Ngoan** |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

1 Mẫu Báo cáo thường niên chỉ quy định các yêu cầu thông tin bắt buộc; tiêu đề, thứ tự chương mục và hình thức trình bày thông tin do cơ sở giáo dục quyết định, bảo đảm thể hiện rõ nội dung của thông tin theo yêu cầu.

2 Bao gồm các thông tin được quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

3 Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

4 Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

5 Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 3 Điều 6, khoản 3 Điều 8, khoản 3 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

6 Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2, 3 Điều 7, khoản 2, 3 Điều 9, khoản 2, 3 Điều 11 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

7 Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1, 3, 4 Điều 5 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

8 Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác của cơ sở giáo dục và của ngành.